

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLST-KDTM ngày 13/5/2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-KDTM ngày 14/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-KDTM ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; trụ sở: Số 266 – 268 đường X1, Phường Y1, Quận Z1, TP. Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông **Trần Đức E** – Giám đốc chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Vĩ Văn F** – Phó phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Đông Anh.

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Đắc B**, sinh năm 1981; bà **Lê Thị C**, sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: Khu W2, thôn X2, xã Y2, huyện Z2, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Ngô Đắc G**, sinh năm 1983.

2. Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1986;

3. Cháu **Ngô Đắc I**, sinh năm 2007 (con ông G, bà H).

4. Cháu **Ngô Thị K**, sinh năm 2009 (con ông G, bà H).

5. Cháu **Ngô Đắc L**, sinh năm 2011 (con ông G, bà H).

Cùng nơi cư trú: Khu W2, thôn X2, xã Y2, huyện Z2, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu I, cháu K, cháu L: Ông Ngô Đắc G và bà Hoàng Thị H.

Có mặt: Ông F.

Vắng mặt: Các đương sự khác.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28/01/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng A (A) cùng ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C ký Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018 theo phương thức cấp hạn mức tín dụng. Tiếp đó các bên ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/3/2019 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng A – Chi nhánh Đông Anh đã giải ngân cho ông B – bà C số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng vụ phụ hoạt động sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Lãi suất vay: 10,5%/năm áp dụng cho 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Kể từ tháng 4 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của A tại ngày điều chỉnh cộng biên độ 3,6%/năm.

Ngoài ra A còn cấp cho ông B – bà C mỗi người 01 thẻ tín dụng hạn mức 10.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13/4/2018.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75-2; tờ bản đồ số 37 thôn X2, xã Y2 được cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số CL265664, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CS-ĐA15630 ngày 23/11/2017 cho ông Ngô Đắc B. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 1005/2018/HĐTC ngày 04/04/2018 tại trụ sở Văn phòng công chứng Trung Tâm. Giao dịch thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/04/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Đông Anh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B – bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên khoản nợ trên của ông B – bà C đã được chuyển sang nợ quá hạn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền gốc, tiền lãi của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Ngô Đắc B – bà Lê Thị C : Không có lời khai, không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án cùng công an xã Y2 nhiều lần đến tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai nhưng ông B – bà C không hợp tác, không cung cấp ý kiến quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ký nhận các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đắc G – bà Hoàng Thị H cùng các con ông G bà H là người đang sinh sống trên nhà cấp 4 thuộc thửa đất thế chấp (nhà cấp 4 nằm trên một phần thửa đất thế chấp và một phần thửa đất của ông G – bà H). Khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ có mặt ông G, ông G đã xác nhận hiện trạng tài sản thế chấp như trên. Tuy nhiên ông G – bà H không cung cấp lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến hết ngày 26/5/2022 như sau:

Tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/3/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020 và Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020 gồm: Gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 945.045 đồng; lãi quá hạn 51.048.493; phạt chậm trả 156.127 đồng. Cộng: 252.149.665 đồng.

Tiền nợ thế tín dụng của ông B: 13.352.583 đồng.

Tiền nợ thế tín dụng của bà C: 13.742.740 đồng.

Tổng cộng: 279.244.988 đồng.

Tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ, hợp đồng thế tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lời khai, không đến Tòa án theo giấy triệu tập, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên họp cũng như các phiên tòa là chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng A, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh Ngô Đắc B; căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, vắng mặt tại các phiên họp hòa giải của Tòa án và tại các phiên tòa. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/3/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020; Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020 và các thẻ tín dụng nhận thấy:

Việc Ngân hàng A và ông B – bà C ký kết hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Các bên thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Mức lãi suất trong hạn, quá hạn mà nguyên đơn tính từ khi ký hợp đồng tín dụng đến khi xét xử sơ thẩm là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày 26/5/2022 gồm:

Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/3/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020; Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020 tính đến hết ngày 26/5/2022 gồm: Gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 945.045 đồng; lãi quá hạn 51.048.493; phạt chậm trả 156.127 đồng. Cộng: 252.149.665 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng của ông B: 13.352.583 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng của bà C: 13.742.740 đồng.

Tổng cộng: 279.244.988 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2022, bị đơn phải trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, các hợp đồng thẻ tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản nhận thấy: Ông Ngô Đắc B đã thế chấp tài sản của mình là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75-2; tờ bản đồ số 37 thôn X2, xã Y2 được cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số CL265664, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ CS-ĐA15630 ngày 23/11/2017 cho ông Ngô Đắc B. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng 1005/2018/HĐTC ngày 04/04/2018 tại trụ sở Văn phòng công chứng

Trung Tâm. Giao dịch thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/04/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Đông Anh. Việc các bên ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp quy định pháp luật; đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực.

Đối với tài sản gắn liền với đất: Qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ, xác nhận của chính quyền địa phương và hồ sơ cấp GCNQSD đất do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đông Anh cung cấp thì: Tài sản gắn liền với thửa đất thế chấp là của vợ chồng ông B – bà C có từ trước khi ký hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên các tài sản gắn liền với đất lại ở trên 02 thửa đất: Thửa đất số 75-2 tờ bản đồ số 37 thôn X2 của ông B và thửa đất số 75-3 tờ bản đồ số 37 thôn X2 của ông G. Hiện nay giữa 02 thửa đất không có ranh giới cụ thể và thực tế các tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông G đang sử dụng.

Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75-2; tờ bản đồ số 37 thôn X2, xã Y2 được cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số CL265664, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ CS-ĐA15630 ngày 23/11/2017 cho ông Ngô Đắc B. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của ông B – bà C đối với Ngân hàng A theo khoản nợ đã nêu ở trên. Nếu thừa thì trả lại cho ông B – bà C. Nếu thiếu thì ông B – bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

[5] Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Các Điều 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015.
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C.

Buộc ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến hết ngày 26/5/2022 như sau:

Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 20/3/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020; Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020 tính đến hết ngày 26/5/2022 gồm: Gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 945.045 đồng; lãi quá hạn 51.048.493; phạt chậm trả 156.127 đồng. Cộng: 252.149.665 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng của ông B: 13.352.583 đồng.

Tiền nợ thẻ tín dụng của bà C: 13.742.740 đồng.

Tổng cộng: 279.244.988 đồng.

Kể từ ngày 27/5/2022, ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C tiếp tục phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1808700225 ngày 29/3/2018, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/3/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 27/3/2020; Giấy nhận nợ số 05 ngày 01/4/2020; Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng của ông B ngày 13/4/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng của bà C ngày 13/4/2018 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 75-2; tờ bản đồ số 37 thôn X2, xã Y2 được cấp GCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất số CL265664, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CS-ĐA15630 ngày 23/11/2017 cho ông Ngô Đắc B. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được thanh toán nghĩa vụ của ông B – bà C đối với Ngân hàng A. Nếu thừa thì trả lại cho ông B, nếu thiếu thì ông B – bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc ông Ngô Đắc B và bà Lê Thị C phải nộp 13.962.000 (Mười ba triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng A được hoàn trả lại số tiền 5.757.000 (Năm triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0045183 ngày 13/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh
- Chi cục THADS huyện Đông Anh
- TAND TP. Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

(Đã ký)

Trần Quang Tuyến